

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 22/2022/DS-ST

Ngày: 09-03-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi
và hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Ông Huỳnh Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Huỳnh Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2021/TLST-DS, ngày 01/11/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS, ngày 10/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-DS, ngày 10/02/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Tuyết M**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Hồng L**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Bà **Cao Hồng H**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Nguyễn Hải T**, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/07/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Tuyết M trình bày:

I. *Về tiền hội*: Trong năm 2015, 2019 và năm 2020 bà Cao Hồng H có mở 08 dây hội tháng và 03 dây hội mùa, cụ thể như sau:

1. Hội tháng:

- Dây hội tháng 1.000.000đ, mở ngày 10/02/2020 (âm lịch), nhằm ngày 03/03/2020, dây hội có 16 phần, bà M tham gia 02 phần, bà M hót lần thứ 13 và lần thứ 14 được số tiền 13.485.000đ + 14.300.000đ = 27.785.000đ, trừ tiền đầu thảo 400.000đ, còn lại 27.385.000đ, nhưng bà H không giao tiền.

- Dây hội tháng 1.000.000đ, mở ngày 10/02/2020 (âm lịch), nhằm ngày 03/03/2020, dây hội có 16 phần, bà M tham gia 02 phần, bà M hót lần thứ 13 và lần thứ 15 được số tiền 13.500.000đ + 14.750.000đ = 28.250.000đ, trừ tiền đầu thảo 400.000đ, còn lại 27.850.000đ, nhưng bà H không giao tiền.

- Dây hội tháng 1.000.000đ, mở ngày 10/02/2020 (âm lịch), nhằm ngày 03/03/2020, dây hội có 16 phần, bà M tham gia 02 phần, bà M hót lần thứ 12 và lần thứ 16 được số tiền 12.980.000đ + 15.000.000đ = 27.980.000đ, trừ tiền đầu thảo 400.000đ, còn lại 27.580.000đ, nhưng bà H không giao tiền mà khấu trừ vào các dây hội ở những phần bà M đã hót và các phần còn lại. Sau đó, bà M cùng bà H kết sổ của 03 dây hội này là bà H còn nợ bà M số tiền 45.020.000đ, bà H đưa cho bà M 20.000đ.

- Dây hội tháng 1.000.000đ, mở ngày 12/04/2020 (âm lịch), nhằm ngày 04/05/2020, dây hội có 15 phần, bà M tham gia 02 phần, bà M hót lần thứ 10 và lần thứ 15 được số tiền 12.250.000đ + 14.000.000đ = 26.250.000đ, trừ tiền đầu thảo 400.000đ, còn lại 25.850.000đ, nhưng bà H không giao tiền.

- Dây hội tháng 1.000.000đ, mở ngày 12/04/2020 (âm lịch), nhằm ngày 04/05/2020, dây hội có 15 phần, bà M tham gia 02 phần, bà M hót lần thứ 14 và lần thứ 15 được số tiền 13.750.000đ + 14.000.000đ = 27.750.000đ, trừ tiền đầu thảo 400.000đ, còn lại 27.350.000đ, nhưng bà H không giao tiền.

- Dây hội tháng 1.000.000đ, mở ngày 12/04/2020 (âm lịch), nhằm ngày 04/05/2020, dây hội có 15 phần, bà M tham gia 02 phần, bà M hót lần thứ 11 và lần thứ 14 được số tiền 12.400.000đ + 13.750.000đ = 26.150.000đ, trừ tiền đầu thảo 400.000đ, còn lại 25.750.000đ, nhưng bà H không giao tiền mà khấu trừ vào các dây hội ở những phần bà M đã hót và các phần còn lại. Sau đó, bà M cùng bà H kết sổ của 03 dây hội này là bà H còn nợ lại bà M số tiền 23.600.000đ.

- Dây hụi tháng 1.000.000đ, mở ngày 29/06/2020 (âm lịch), nhằm ngày 18/08/2020, dây hụi có 15 phần, bà M tham gia 01 phần, bà M hốt lần thứ 10 được số tiền 9.000.000đ, trừ tiền đầu thảo 200.000đ, còn lại 8.800.000đ, nhưng bà H không giao tiền.

- Dây hụi tháng 1.000.000đ, mở ngày 29/06/2020 (âm lịch), nhằm ngày 18/08/2020, dây hụi có 15 phần, bà M tham gia 01 phần, bà M hốt lần thứ 10 được số tiền 9.000.000đ, trừ tiền đầu thảo 200.000đ, còn lại 8.800.000đ, nhưng bà H không giao tiền, bà H kết sổ của 02 dây hụi này là bà còn nợ bà M số tiền là 17.600.000đ.

Cuối cùng 08 dây hụi tháng, bà H còn nợ bà M tổng cộng là 86.200.000đ, bà H giao cho bà M 200.000đ, còn thiếu lại 86.000.000đ.

2. Hụi mùa:

- Dây hụi mùa 2.000.000đ, mở vào mùa Đông Xuân tháng giêng năm 2015, mỗi năm đóng theo 3 vụ mùa: Đông Xuân, Hè Thu, Lấp vụ. Dây hụi này có 22 phần, bà M tham gia 01 phần. Bà M đã đóng được 19 mùa. Dây hụi này bà M chưa hốt nhưng bà H mượn phần hụi của bà M hốt lần thứ 17 vào mùa hè thu năm 2020. Đến ngày 25/05/2021 (âm lịch, hè thu 2021), bà H tuyên bố bề nợ không thu tiền hụi nữa. Bà H đã kết sổ dây hụi này là bà M hốt lần thứ 20 được 38.000.000đ, trừ tiền đầu thảo 400.000đ và 2.000.000đ (dây hụi chết mà bà M đã hốt ở mùa Đông Xuân 2021), vậy bà H còn nợ bà M số tiền 35.600.000đ, nhưng bà H không giao tiền.

- Dây hụi mùa 3.000.000đ, mở vào mùa Đông Xuân ngày 22/01/2019 âm lịch, nhằm ngày 01/03/2019, mỗi năm đóng theo 3 vụ mùa: Đông Xuân, Hè Thu, Lấp vụ. Dây hụi này có 15 phần, bà M tham gia 02 phần. Bà M đã đóng được 07 mùa. Đến ngày 25/05/2021 (âm lịch, hè thu 2021), bà H tuyên bố bề nợ không thu tiền hụi nữa. Bà H đã kết sổ dây hụi này là bà M hốt lần thứ 08 được 42.000.000đ, trừ tiền đầu thảo 1.200.000đ, vậy bà H còn nợ bà M số tiền 40.800.000đ, nhưng bà H không giao tiền.

- Dây hụi mùa 2.000.000đ, mở vào mùa Hè Thu ngày 24/05/2019 âm lịch, nhằm ngày 26/06/2019, mỗi năm đóng theo 3 vụ mùa: Đông Xuân, Hè Thu, Lấp vụ. Dây hụi này có 16 phần, bà M tham gia 01 phần. Bà M đã đóng được 06 mùa. Đến ngày 25/05/2021 (âm lịch, hè thu 2021), bà H tuyên bố bề nợ không thu tiền hụi nữa. Bà H đã kết sổ dây hụi này là bà M hốt lần thứ 07 được 12.000.000đ, trừ tiền đầu thảo 400.000đ, vậy bà H còn nợ bà M số tiền 11.600.000đ, nhưng bà H không giao tiền.

Đối với 08 dây hụi tháng và 03 dây hụi mùa mà bà M đã hốt bà H chỉ giao cho bà M là 220.000đ, sau khi khấu trừ các phần hụi bà M đã đóng và trừ tiền đầu thảo xong vào lúc 9 giờ 30 phút, ngày 25/05/2021 (âm lịch), nhằm ngày 04/07/2021, bà M và bà H có đối chiếu sổ nợ, sau khi tính toán bà H còn nợ bà M 08 dây hụi tháng là 86.000.000đ và 03 dây hụi mùa là 88.000.000đ, tổng cộng là bà H còn nợ là 174.000.000đ tiền hụi, bà H đã đồng ý ký tên vào sổ nợ của bà M.

II. *Về tiền vay*: Vào ngày 19/10/2020, bà H, ông L có vay bà M số tiền 150.000.000đ để trả nợ hụi và tiền ông L thiếu tiền bán xăng, để làm tin cho việc vay tiền, bà H có đưa cho bà M giữ của bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 324, diện tích 404m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do bà Cao Hồng H đứng tên Giấy CNQSDĐ (có làm biên nhận với hình thức hợp đồng nhận tiền và cầm giấy tờ đất). Đối với số tiền vay chính bà H và ông L nhận tiền của bà M. Bà H tính lãi là mỗi tháng trả 3.000.000đ, nhưng từ ngày vay 19/10/2020 thì bà H có trả tiền lãi cho bà M được 1 lần số tiền là 3.000.000đ, ngày 26/04/2021, rồi ngưng cho đến nay, không có đóng lãi gì hết, còn số tiền lãi còn lại bà M cũng không yêu cầu gì hết, coi như bà M chỉ tính cho bà H là 3.000.000đ tiền lãi đó là xong, yêu cầu bà H, ông L trả tiền vốn lại cho bà M là 150.000.000đ.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Hồng L, bà Cao Hồng H trả cho bà số tiền nợ hụi là 174.000.000đ và tiền nợ vay là 150.000.000đ, tổng cộng là 324.000.000đ (*Ba trăm, hai mươi bốn triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

- *Trong biên bản hòa giải ngày 10/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hải T trình bày*: Ông T thống nhất lời trình bày của bà Võ Tuyết M, không có ý kiến gì khác.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn Hồng L trình bày trong biên bản ghi lời khai ngày 22/11/2021*: Ông có biết việc vợ chồng ông có cầm cho bà M một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà đang ở với số tiền nhiều lần tổng cộng viết giấy cầm cố là 150.000.000đ. Ông có biết vợ ông làm chủ hụi, bà M là hụi viên có tham gia, việc chơi hụi này chỉ có bà M với vợ ông biết, còn tiền vay có cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 150.000.000đ, có đóng lại mỗi tháng 3.000.000đ, còn tiền hụi là 174.000.000đ có biết chơi hụi này giữa bà M và bà H.

- *Bị đơn bà Cao Hồng H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày*.

- *Tại phiên tòa*, bà Võ Tuyết M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Nguyễn Văn Hồng L, bà Cao Hồng H trả cho bà và ông T số tiền nợ hui là 174.000.000đ và tiền nợ vay là 150.000.000đ, tổng cộng là 324.000.000đ (*Ba trăm, hai mươi bốn triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

- *Tại phiên tòa*, ông Nguyễn Hải T thống nhất như yêu cầu khởi kiện của bà Võ Tuyết M, yêu cầu ông Nguyễn Văn Hồng L, bà Cao Hồng H phải trả lại cho vợ chồng ông số tiền nợ hui là 174.000.000đ và tiền nợ vay là 150.000.000đ, tổng cộng là 324.000.000đ (*Ba trăm, hai mươi bốn triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn Hồng L, bà Cao Hồng H vắng mặt nên không trình bày.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn Hồng L, bà Cao Hồng H chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt khi Tòa án mời giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 266, khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ 471 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 18, 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biểu, phường;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Tuyết M

Buộc ông Nguyễn Văn Hồng L, bà Cao Hồng H phải trả lại cho số tiền nợ hui là 174.000.000đ và tiền nợ vay là 150.000.000đ, tổng cộng là 324.000.000đ (*Ba trăm, hai mươi bốn triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là 16.200.000đ.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà Võ Tuyết M khởi kiện yêu cầu bà Cao Hồng H, ông Nguyễn Văn Hồng L trả tiền nợ hui và tiền vay; bị đơn cư trú tại xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là tranh chấp “*Hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn Cao Hồng H, ông Nguyễn Văn Hồng L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại khoản điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Bà Võ Tuyết M yêu cầu ông Nguyễn Văn Hồng L, bà Cao Hồng H trả cho bà và ông T số tiền nợ hui là 174.000.000đ và tiền nợ vay là 150.000.000đ, tổng cộng là 324.000.000đ (*Ba trăm, hai mươi bốn triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Đối với hợp đồng vay tài sản: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn có xuất trình chứng cứ là “*bản hợp đồng nhận tiền*” đánh máy trên giấy A4, có ông T, bà M với ông L, bà H ký tên có người chứng kiến là ông Lê Văn Dũng là Trưởng ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long với số tiền vay là 150.000.000đ, lãi suất 3.000.000đ/tháng và bà H, ông L có giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 324, diện tích 404,0m² cho bà M, ông T giữ.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà M, ông T với bà H, ông L có thỏa thuận lập hợp đồng vay tiền là có thật và được ông L thừa nhận trong biên bản ghi lời khai ngày 22/11/2021, đến nay chưa trả số tiền này cho nguyên đơn.

Xét về lãi suất tính lãi trong biên nhận là 3.000.000đ/tháng, tương đương là 2%/tháng là cao so với quy định của pháp luật tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm, tuy nhiên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra giải quyết

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Tuyết M buộc ông Nguyễn Văn Hồng L, bà Cao Hồng H có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền vay gốc là 150.000.000đ (*Một trăm, năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Đối với hợp đồng góp hui: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn có xuất trình tài liệu, chứng cứ là các danh sách hui, biên nhận nợ hui được viết giấy tập, có chữ ký của bà H, ngày 25/05/2021 âm lịch, nhằm ngày 04/07/2021 dương lịch. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Võ Tuyết M và bà Cao Hồng H có giao kết hợp đồng góp hui, sự việc được chứng minh qua biên nhận nợ hui có chữ ký của bà H và ông L cũng thừa nhận trong biên bản ghi lời khai ngày 22/11/2021 nên giữa bà M và bà H có giao kết hợp đồng góp hui là có thật với số tiền tổng cộng là 174.000.000đ.

Xét thấy, bà H và bà M thỏa thuận chơi hui và ông L cũng thừa nhận là bà H là chủ hui, bà M là hui viên, việc chơi hui này bà H tổ chức tại nhà với số tiền lớn, nhằm mục đích tạo ra thu nhập, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên ông Nguyễn Văn Hồng L phải có nghĩa vụ liên đới với bà Cao Hồng H để trả số tiền hui cho bà Võ Tuyết M theo quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bà H, ông L chưa trả tiền hui nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Tuyết M yêu cầu bà Cao Hồng H, ông Nguyễn Văn Hồng L trả số tiền nợ hui là 174.000.000đ (*Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng*).

[2.2]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là 16.200.000đ (*Mười sáu triệu, hai trăm nghìn đồng*).

[3]. Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên Tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 266, khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ 471 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 18, 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Tuyết M.

[1]. Buộc ông Nguyễn Văn Hồng L, bà Cao Hồng H phải trả lại cho số tiền nợ hội là 174.000.000đ và tiền nợ vay là 150.000.000đ, tổng cộng là 324.000.000đ (*Ba trăm, hai mươi bốn triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự nguyện của bà Võ Tuyết M, ông Nguyễn Hải T trả lại cho ông L, bà H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV322873, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 23/04/2020 cho bà Cao Hồng H đứng tên đối thừa phần đất thửa 324, diện tích 404,0m², thuộc tờ bản đồ số 12, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, sau khi ông L, bà H trả số tiền 324.000.000đ cho bà M, ông T.

[2]. *Về án phí*: Buộc ông Nguyễn Văn Hồng L, bà Cao Hồng H phải chịu 16.200.000đ (*Mười sáu triệu, hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Võ Tuyết M số tiền tạm ứng án phí là 8.100.000đ (*Tám triệu, một trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010281, ngày 01/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền làm đơn

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo